

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 9 - 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Sơn

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Hoàng Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1999;

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q1, huyện K1, tỉnh T.

(*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình N**, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Xóm 7, thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Nguyễn Đình N, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại thôn K, xã V, thành phố T,

tỉnh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 2 năm, đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng với nhau về quan điểm sống dẫn tới không thống nhất với nhau trong làm ăn và sinh hoạt hàng ngày nên thường hay xảy ra va chạm cãi vã, nghi ngờ không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra căng thẳng kéo dài không dàn xếp được, gia đình 2 bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7/2020 cho đến nay. Anh N và gia đình chồng có đến tìm nhưng chị không chấp nhận về sống chung, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn hỏi han quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị Q xin ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018, hiện con A đang sống cùng với anh N. Ly hôn anh N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chị cũng đồng ý, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh N là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Nếu anh N không nuôi con thì chị sẽ nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Hiện tại chị làm nghề tự do thu nhập trung bình 5.000.000 (Năm triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh N không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

\* Tại bản tự khai ngày 27/7/2022, bị đơn anh Nguyễn Đình N trình bày và có quan điểm như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Q có tìm hiểu, kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T khi đó cả 2 đều làm nghề tự do. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ anh tại thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm đến đầu năm 2020 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, mặt khác anh bị tai nạn ảnh hưởng đến sức khỏe tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Do mâu thuẫn vợ chồng không tự dàn xếp được, kể từ ngày 28/6/2020 (âm lịch) chị Q đã thu dọn tư trang và đưa con về nhà mẹ đẻ ở, sau đó anh và gia đình đã đến gặp nói chuyện động viên chị Q trở về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q không chấp nhận và nói vợ chồng sẽ không chung sống với nhau nữa, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng và có một con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018 hiện anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu nhưng cô Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng anh cũng

chấp nhận. Hiện tại anh làm nghề tự do thu nhập trung bình 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

\* Tòa án đã giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên nhưng anh N vắng mặt không có lý do, chỉ Q đề nghị không hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2022, bà Ngô Thị Lược, sinh năm 1978, trú tại: thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T (mẹ đẻ anh Nguyễn Đình N) trình bày: Vợ chồng N và Q tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình được khoảng 02 năm, đến đầu năm 2020 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác trước đó con N bị tai nạn giao thông ảnh hưởng đến sức khỏe dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Ngày 28/8/2020 (tức ngày 28/6 âm lịch) Q thu dọn tư trang tự ý đưa con về nhà mẹ đẻ ở, gia đình và N đã đến gặp gia đình bố mẹ đẻ và Q nói chuyện mục đích khuyên giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng Q cương quyết không chấp nhận về đoàn tụ. Từ đó tới nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay Q xin ly hôn N về phía gia đình không mong muốn nhưng hôn nhân do vợ chồng tự quyết định nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng Q và N có một con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018, hiện nay cháu đang ở cùng bố tại gia đình nội. Cháu khỏe mạnh, được gia đình chăm sóc chu đáo. Vợ chồng ly hôn, N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nên gia đình đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của N được nuôi con, gia đình sẽ hỗ trợ N trong việc nuôi dạy cháu Bảo Anh.

Về tài sản: Trong thời gian chung sống cùng gia đình, vợ chồng Q N không mua sắm được tài sản chung gì và không đóng góp công sức tạo lập tài sản gì với gia đình và không vay nợ chung của ai.

\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2022, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968, trú tại: Thôn Đ, xã Q1, huyện K1, tỉnh T (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Q) trình bày: Vợ chồng Q và N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T được khoảng 02 năm, đến đầu năm 2020 vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác trước đó cháu N bị tai nạn giao thông ảnh hưởng đến sức khỏe nên tình cảm phai nhạt dần. Do vợ chồng Q N có mâu thuẫn nên từ tháng 7 năm 2020 Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. N và gia đình chồng có vài lần đến gặp, hai bên gia đình khuyên nhủ

Q về đoàn tụ vợ chồng nhưng Q cương quyết không về, từ đó tới nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay Q xin ly hôn với N, quan điểm của gia đình không muốn vợ chồng hai con chia rẽ nhưng hôn nhân do vợ chồng tự quyết định nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018, thời gian đầu khi Q về cùng con nhưng chỉ được hơn tháng thì ông bà nội và bố xin đón cháu về để chăm sóc. Hiện nay cháu Bảo Anh đang ở cùng với bố ở nhà ông bà nội, cháu khỏe mạnh, được chăm sóc chu đáo. Khi ly hôn, việc nuôi con giải quyết theo nguyện vọng của hai bên và quy định của pháp luật.

Về tài sản: Quá trình chung sống do không ở cùng nên không rõ vợ chồng hai con có tài sản gì chung, không vay nợ chung của ai và cũng không cho ai vay tài sản gì. Còn cụ thể gia đình không rõ.

\* Tại biên bản xác minh ngày 11/8/2022, ông Nguyễn Đình Bôn, trưởng thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T cung cấp: chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình N có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình chồng ở thôn K, xã V, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng cuối năm 2020 địa phương được biết chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện K1, tỉnh T sinh sống. Như vậy xác định vợ chồng chị Q anh N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thế nào địa phương không rõ do anh chị và hai bên gia đình không báo lại với địa phương. Nay chị Q xin ly hôn anh N, quan điểm địa phương: vợ chồng chị Q, anh N có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi thời gian đã dài nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của đôi bên và quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị Q và anh N có một con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018. Hiện nay cháu Bảo Anh đang sống cùng với anh N và gia đình bên nội. Nếu chị Q, anh N ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của hai bên và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Q và anh N không có tài sản chung, có vay nợ chung gì của ai hay không địa phương không rõ, không thấy ai đến đòi nợ.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử

Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Do chị Q và anh N không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ các bên đương sự tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đình N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với lời khai nguyên đơn, thể hiện sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống khác tôi bị tai nạn ảnh hưởng đến sức khỏe dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, chị Q có đơn đề nghị từ chối hòa giải thể hiện cả hai đều không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Nguyễn Đình N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình N có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018. Hiện nay cháu Bảo Anh đang sống cùng anh N, anh N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chị Q đồng ý. Vì vậy giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh N 2.000.000 đồng/tháng, anh N cũng đồng ý nên chấp nhận là phù hợp.

[5] Về tài sản: Chị Q và anh N đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 12/11/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh N 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Q có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng, chị Q đã nộp 300.000 đồng, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*(Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Q đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000716 ngày 20/7/2022 để thi hành án phí).*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Hồng Sơn**